

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/5/2018

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Phương**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bắc**

2. Bà **Trần Thị Lân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2018/TLST- HNGĐ ngày 02/02/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Nhà số X, ngách Y, ngõ Z đường Ngọc Thụy(nay là phố Bắc Cầu), tổ 38, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; hiện cư trú tại: Số nhà X, ngõ Y, tổ 25 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú, trú tại: Nhà số X, ngách Y, ngõ Z Ngọc Thụy(nay là phố Bắc Cầu), tổ 38, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/4/2012 tại UBND phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, chị chung sống với anh D tại gia đình nhà chồng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 03/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh D chơi bời dẫn đến nợ nần rồi đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 12/2017, do anh D đánh chị nên mẹ và anh trai chị đã đến đón chị ra khỏi nhà chồng. Anh chị đã sống ly thân và cắt đứt quan hệ sinh lý tình cảm từ đó đến nay. Chị đã thuê nhà trọ ở riêng từ tháng 01/2018. Trước ngày nghỉ lễ 30/4/2018, anh D có đến khu nhà trọ gây sự, đánh đập chị khiến chị phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang, chị cũng đã có đơn trình báo với Công an phường Ngọc Thụy. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Lê Gia L, sinh ngày 06/7/2012 hiện đang sống cùng gia đình anh D. Chị đề nghị Tòa án giao con cho cháu L cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng với lý do cháu L là con gái, tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, trong số các thành viên đang sống cùng anh D và cháu L tại tổ 38 phường Ngọc Thụy có anh Nguyễn Đức N (anh trai anh D) là đối tượng nghiện ma túy, từng đi cai nghiện nhiều lần và có tiền án về ma túy. Bản thân anh D đã có một tiền án và là đối tượng nghiện ma túy (heroin) nhiều năm (sau khi kết hôn với anh D chị mới biết). Nếu để cháu L sống trong môi trường như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của cháu. Chị không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm tại Công ty Bibiana Việt Hàn. Mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị là khoảng 13.000.000đồng/tháng. Về điều kiện nhà ở, hiện tại chị thuê nhà riêng nên đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Tòa án, bị đơn – anh Nguyễn Đức D trình bày:

Về điều kiện, thủ tục kết hôn đúng như chị T khai. Sau khi kết hôn, chị T về chung sống cùng gia đình anh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau trong xây dựng kinh tế gia đình và không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, thỉnh thoảng anh có đánh chị T nhưng không gây thương tích. Đến tháng 12/2017, anh chị có xảy ra xô sát, cãi nhau, chị T đã chuyển đi nơi khác ở và không sống tại nhà anh nữa. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Trước ngày nghỉ lễ 30/4/2018, anh có đến nhà trọ đánh chị T nhưng lỗi là do chị T khiến anh không giữ được bình tĩnh. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Lê Gia L, sinh ngày 06/7/2012. Hiện cháu L đang sống cùng gia đình anh tại tổ 38, phường

Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Các thành viên đang sống cùng anh và cháu L gồm: bà nội anh là Ngô Thị M, bố mẹ anh là ông Nguyễn Hữu V và bà Hoàng Thị T, anh trai anh là Nguyễn Đức N và cháu Nguyễn Hoàng M (con của anh N). Trước đây anh N có nghiện ma túy, đã đi cai nghiện và có 01 tiền án về ma túy. Anh N đã chấp hành án xong và ra trại về đoàn tụ gia đình từ trước tết âm lịch 2018, đã tu chí làm ăn và đang xin việc làm. Tuy nhiên, việc anh N nghiện có thể cai được và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh. Bản thân anh cũng nghiện ma túy (heroin) từ năm học lớp 7. Năm 2005, anh bị bắt về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và chấp hành án tại trại giam 2 năm 6 tháng. Năm 2008, anh ra trại và cũng đã cai nghiện thành công. Nay anh không còn nghiện ma túy nữa, hoàn toàn tu chí làm ăn nên có đủ điều kiện để nuôi dạy con thành người tốt. Vì vậy, ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm tại Công ty TNHH Dịch vụ một thành viên Đức Kiên. Mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 14.000.000đ/tháng (Mười bốn triệu đồng/01 tháng).

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T và anh D vẫn giữ ý kiến như đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Chị T và anh D cùng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Gia L, không yêu cầu bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T kết hôn hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 12/2017. Mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn xin ly hôn anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị T nên đề nghị Tòa án xử cho chị T được ly hôn anh D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xem xét đến điều kiện, khả năng nuôi con về mọi mặt của mỗi bên:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh D khai trước đây có khoảng mười năm là đối tượng nghiện ma túy và có một tiền án về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Mặt khác, theo cung cấp của chính quyền địa phương cũng như lời khai của thống nhất của hai bên đương sự, hiện anh D và cháu L đang sống cùng gia đình anh D gồm có bà nội, bố mẹ, anh trai và cháu anh D trong đó anh Nguyễn Đức N (anh trai anh D) là đối tượng nghiện ma túy, đã nhiều lần đi cai nghiện và có 01 tiền án về ma túy vừa mới chấp hành án về địa phương. Chính quyền địa phương cũng có ý kiến đề nghị Tòa án vận động anh D đồng ý để chị T nuôi con vì cháu L là con gái, tuổi còn nhỏ cần có bàn tay chăm sóc của người mẹ nhằm đảm bảo cho cháu L phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần.

Tại Tòa án, chị T cũng xuất trình xác nhận thu nhập hàng tháng của chị là 13.000.000 đồng/tháng, hợp đồng thuê nhà, các biên lai nộp tiền học phí cho cháu L trong suốt thời gian cháu học tại trường mẫu giáo.

Xét thấy, điều kiện sống, chăm sóc, nuôi dạy con của chị T tốt và đảm bảo hơn anh D. Cháu L là con gái, cần có bàn tay chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Lê Gia L, sinh ngày 06/7/2012 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng cho con đối với anh D cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh D cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Đức D, anh D cư trú tại địa chỉ: Nhà số X, ngách Y, ngõ Z Ngọc Thụy (nay là phố Bắc Cầu), tổ 38 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/4/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh D và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, không có sự chia sẻ với nhau trong kinh tế và cuộc sống gia đình; dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi đánh nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng 12/2017, chị T thuê nhà bên ngoài sinh sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử xác định: Anh D và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Gia L, sinh ngày 06/7/2012.

Xét yêu cầu cùng xin được nuôi con của chị T và anh D, điều kiện, khả năng nuôi con của mỗi bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T đang làm tại Công ty Bibiana Việt Hàn. Mức thu nhập bình quân là 13.000.000 đồng/1 tháng (Mười ba triệu đồng/ một tháng). Về nhà ở, chị T hiện đang thuê nhà tại địa chỉ số nhà 15 ngõ 604/1, tổ 25, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Chị T đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng thuê nhà ở, hợp đồng lao động và xác nhận thu nhập của Công ty nơi chị T làm việc. Ngoài ra, chị T còn nộp các hoá đơn thu học phí của trường học thể hiện chị là người chủ yếu đóng tiền học hàng tháng cho cháu L trong suốt quá trình cháu học tại Trường mầm non. Lời khai và cung cấp của chị T phù hợp với xác M của Tòa án tại Trường mầm non nơi cháu L đang theo học.

Về phía anh D: Anh D cũng cung cấp cho Tòa án xác nhận mức lương của Công ty nơi anh D làm việc. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, anh D khai trước đây anh là người nghiện ma túy nhiều năm (nghiện từ năm học lớp 7). Lời khai của anh D về thành phần gia đình đang sinh sống cùng anh và cháu L phù hợp với xác M của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi anh D và chị T chung sống. Kết quả xác M thể hiện: Anh D và chị T kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Trước khi chuyển đi nơi khác, chị T và anh D sống cùng gia đình anh D tại tổ 38, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sinh sống trên nhà đất này cùng anh D và cháu L hiện gồm có bà nội anh D, bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Hữu V, bà Hoàng Thị T; anh trai anh D là anh Nguyễn Đức N, con trai anh N; trong đó anh N là đối tượng nghiện ma túy. Anh D và chị T đã phát sinh mâu thuẫn khoảng 3, 4 năm gần đây, địa phương cũng đã hòa giải hai lần nhưng không được. Nay, chị T xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 cháu là Nguyễn Lê Gia L, sinh năm

2012. Trong trường hợp anh D, chị T ly hôn, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, vận động để anh D giao con cho chị T nuôi vì cháu L là con gái, còn nhỏ tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, với điều kiện, môi trường sống của gia đình anh D sẽ ít nhiều gây ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của cháu L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét điều kiện sống, chăm sóc, nuôi dạy con của chị T tốt và đảm bảo hơn anh D. Mặt khác, cháu L là con gái, tuổi còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Lê Gia L cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt về vật chất, tinh thần cho trẻ. Do chị T không có yêu cầu nên tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Đức D và xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Xử như sau:

2.1. Xác định chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức D có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Lê Gia L, sinh ngày 06/7/2012.

2.2. Giao cháu Nguyễn Lê Gia L cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với

anh Nguyễn Đức D cho đến khi cháu Nguyễn Lê Gia L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

2.3. Anh Nguyễn Đức D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Toà án không giải quyết.

4. Về công nợ: Toà án không giải quyết.

5. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0099 ngày 02/2/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND T.p Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên,
- UBND phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, T.p Hà Nội (Nơi đăng ký kết hôn ngày 13/4/2012)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

